

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2020/HNGĐ-ST

Ngày 18/11/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Khoàng Văn Hặc.**

2. Ông **Nguyễn Khắc Thiện.**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Nguyễn Kim Phượng** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Chà tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 11 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Mường Chà tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 01/2020/HNGĐ-ST ngày 05/10/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* T T K - Sinh năm: 1990 - Có mặt.

Địa chỉ: Bản M L T, xã H L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

2. *Bị đơn:* S A P (Tên gọi khác: S A P) - Sinh năm: 1987 - Vắng mặt có lý do.

Địa chỉ: Bản M L T, xã H L, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên.

Người phiên dịch: chị V T S - Sinh năm: 1994.

Địa chỉ: Bản 36, xã Sa Long, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 02/10/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị T T K trình bày:

Chị và anh S A P quen biết và tìm hiểu nhau, năm 2007 anh chị tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán tại địa phương về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn.

Từ khi về chung sống với nhau anh chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Phình có mối quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh, từ đó giữa vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau và dẫn đến xô xát, chị cho rằng là do từ khi lấy nhau về chỉ sinh được toàn con gái nên chị đã nhẫn nhịn và chịu đựng

suốt nhiều năm, cho đến năm 2014 khi sinh được đứa con trai nhưng anh Phình vẫn không thay đổi tính cách, đôi khi anh Phình còn đưa người đàn bà khác về nhà ở cùng. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng xảy ra nhiều lần tranh cãi đã được hai bên họ hàng và tổ hòa giải của bản hòa giải nhưng chỉ được một thời gian ngắn. Đến tháng 01/2020, anh Phình đuổi chị Kía ra khỏi nhà. Sau đó chị đã về sống với bố mẹ đẻ tại bản San Sả Hồ, xã Hừa Ngải, huyện Mường Chà, tỉnh Điện Biên và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến nhau. Nay chị thấy rằng, chị không còn tình cảm vợ chồng với anh Phình nữa, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vậy chị yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Mường Chà giải quyết ly hôn cho chị và anh S A P.

- Về con chung: Anh chị có 05 con chung là các cháu Sùng Thị Sia - sinh ngày 19/01/2008; Sùng Thị Hương - sinh ngày: 20/10/2010; Sùng Thị Lia - sinh ngày: 29/11/2011; Sùng Thị Bảo Trâm - sinh ngày 14/9/2013; Sùng Trường Sơn - sinh ngày: 23/4/2014. Ban đầu chị Kía có nguyện vọng nuôi cả 5 cháu và yêu cầu anh Phình cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000 đồng/ tháng cho các cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành. Tuy nhiên trong quá trình giải quyết vụ án, chị Kía và cho anh Phình thỏa thuận và thống nhất giao cả 5 cháu cho anh Phình chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành (18 tuổi). Chị Kía không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phình. Tại phiên tòa hôm nay chị Kía không thay đổi về nội dung thỏa thuận nuôi con trước đó.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản gì đáng giá, chỉ có một số đồ dùng để sinh hoạt hàng ngày. Vậy chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh S A P vắng mặt có lý do. Tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 09/10/2020 cũng như trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh S A P trình bày.

- Về hôn nhân: Anh và chị T T K về chung sống với nhau từ năm 2007, anh chị về chung sống với nhau là hoàn toàn tự nguyện và không đăng ký kết hôn mà chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, sau khi tổ chức đám cưới anh chị về chung sống với nhau tại bản M L T, xã H L, huyện Mường Chà. Trong cuộc sống hàng ngày giữa vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến mấy năm gần đây anh chị mới bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị Kía không hiểu cho anh. Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn nên lúc hết mùa làm nương anh phải đi làm thuê. Mỗi lần anh đi làm thuê về giữa vợ chồng lại xảy cãi nhau, chị Kía cho rằng anh có mối quan hệ bên ngoài xã hội không lành mạnh, cho đến tháng 01/2020 chị Kía bỏ về nhà bố mẹ đẻ của chị ở cho đến nay, anh đã nhiều lần đi gọi chị Kía về nhà nhưng chị không chịu về và anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay, không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Nay chị Kía yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh, vì anh Phình vẫn còn tình cảm với chị Kía nên anh Phình không đồng ý ly hôn, nếu chị Kía cương quyết ly hôn thì anh Phình đồng ý.

- Về con chung: Anh chị có 05 con chung là các cháu Sùng Thị Sia, Sùng Thị Hương, Sùng Thị Lia, Sùng Thị Bảo Trâm, Sùng Trường Sơn. Trong quá trình hòa giải chị Kía và anh Phình đã thỏa thuận được với nhau về việc người trực tiếp nuôi

con là giao cả 5 cháu: Sùng Thị Sia, Sùng Thị Hương, Sùng Thị Lia, Sùng Thị Bảo Trâm, Sùng Trường Sơn cho anh Phình chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động (18 tuổi). Chị Kía không cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Phình.

- Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản gì đáng giá, chỉ có đồ dùng để sinh hoạt hàng ngày, vậy anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ: Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Đối với các cháu Sùng Thị Sia sinh ngày 19/01/2008; Sùng Thị Hương sinh ngày 20/10/2010; Sùng Thị Lia sinh ngày 29/11/2011; Sùng Thị Bảo Trâm sinh ngày 14/9/2013 có văn bản ghi ý kiến gửi cho Tòa án, nếu bố mẹ ly hôn với nhau các cháu có nguyện vọng là muốn được ở cùng với bố.

* Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký: Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị áp dụng Khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015; Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh S A P và chị T T K; Việc thỏa thuận nuôi con chưa thành niên của anh Phình và chị Kía phù hợp với nguyện vọng của các cháu Sùng Thị Sia; Sùng Thị Hương; Sùng Thị Lia; Sùng Thị Bảo Trâm. Do đó cần giao cả 05 cháu Sùng Thị Sia sinh ngày 19/01/2008; Sùng Thị Hương sinh ngày 20/10/2010; Sùng Thị Lia sinh ngày 29/11/2011; Sùng Thị Bảo Trâm sinh ngày 14/9/2013; Sùng Trường Sơn sinh ngày 23/4/2014 cho anh Phình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành, chị Kía không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Phình.

Về án phí: Chị T T K là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính Phủ. Do đó cần áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí cho chị Kía là phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về thẩm quyền giải quyết vụ án, căn cứ yêu cầu khởi kiện của đương sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Chà theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về xác định tư cách của các đương sự: Căn cứ vào Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị T T K là nguyên đơn, anh S A P là bị đơn.

[3] Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn anh S A P và tiến hành mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, sau đó anh S A P đã có đơn gửi cho Tòa án, đề nghị Tòa án xin xét xử vắng mặt vì công việc gia đình không thể có mặt tại Tòa án để tham gia giải quyết, xét xử vụ án được (đề nghị của anh Phình được thể hiện tại đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt ngày 09/11/2020). Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đề nghị này của anh S A P là có cơ sở cần được chấp nhận. Chị T T K có mặt tại phiên tòa. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh S A P theo quy định của pháp luật.

[4] **Về nội dung vụ án:** Xét quan hệ hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy, chị T T K và S A P về sống chung với nhau như vợ chồng từ năm 2007, chỉ cưới hỏi theo phong tục tập quán nhưng anh chị không đăng ký kết hôn với nhau và có 05 con chung. Đến thời điểm chị Kía có đơn khởi kiện xin ly hôn, mặc dù hai bên có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nhưng hai bên vẫn không đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền để đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Do vậy, việc hai bên chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân và gia đình. Nay chị T T K có đơn xin ly hôn, nên căn cứ vào Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tòa án thụ lý yêu cầu ly hôn và tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T T K và anh S A P.

[5] **Về con chung:** Chị Kía và anh Phình có 05 con chung là các cháu Sùng Thị Sia sinh ngày 19/01/2008; Sùng Thị Hương sinh ngày 20/10/2010; Sùng Thị Lia sinh ngày 29/11/2011; Sùng Thị Bảo Trâm sinh ngày 14/9/2013; Sùng Trường Sơn sinh ngày 23/4/2014.

Tại biên bản hòa giải ngày 22/10/2020 chị Kía Và anh Phình đã thỏa thuận với nhau về việc người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom con chung. Tại phiên tòa chị Kía không thay đổi nội dung đã thỏa thuận. Sự thỏa thuận của chị Kía và Phình là tự nguyện, đúng quy định pháp luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với nguyện vọng của các cháu Sùng Thị Sia; Sùng Thị Hương; Sùng Thị Lia; Sùng Thị Bảo Trâm. Vậy cần giao cả 05 cháu Sùng Thị Sia sinh ngày 19/01/2008; Sùng Thị Hương sinh ngày 20/10/2010; Sùng Thị Lia sinh ngày 29/11/2011; Sùng Thị Bảo Trâm sinh ngày 14/9/2013; Sùng Trường Sơn sinh ngày 23/4/2014 cho anh S A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, trông nom cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động là phù hợp. Chị T T K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Phình. Chị T T K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

[6] Về tài sản chung và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[7] Ý kiến quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[8] Về án phí: Chị T T K là đồng bào dân tộc thiểu số, sinh sống nơi có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính Phủ. Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 cần miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho chị Kía là phù hợp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Khoản 1 Điều 9, Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Khoản 2 Điều 53, các Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình.

Áp dụng Khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016-TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp. Tuyên xử:

1. *Về hôn nhân:* Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T T K và S A P.
2. *Về con chung:* Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T T K và anh S A P. Giao các cháu Sùng Thị Sia sinh ngày 19/01/2008; Sùng Thị Hương sinh ngày 20/10/2010; Sùng Thị Lia sinh ngày 29/11/2011; Sùng Thị Bảo Trâm sinh ngày 14/9/2013; Sùng Trường Sơn sinh ngày 23/4/2014 cho anh S A P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và trông nom cho đến khi các cháu đủ tuổi trưởng thành và đủ khả năng lao động (đủ 18 tuổi). Chị T T K không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh Phình. Chị T T K được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.
3. *Về tài sản chung và về nợ:* Không xem xét giải quyết.
4. *Về án phí:* Áp dụng Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm đ Khoản 1 Điều 12; Điều 15 Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 miễn toàn bộ án phí DSST cho chị T T K.

Áp dụng Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự: Chị T T K có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, ngày 18/11/2020; anh S A P vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS huyện MC;

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện MC;
- TA tỉnh Điện Biên;
- Lưu hồ sơ.

Lò Văn Đình